TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN H** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2022
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN H, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Hùng

2. Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Yến, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1992. Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Định A, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị Thanh Ph, sinh năm 19861. Địa chỉ: ấp Cây D, xã Đôn X, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Con chung:* Cháu Lê Kim D, sinh ngày 22/3/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2023, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn C trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: năm 2020, sau thời gian quen biết nhiều năm anh và chị Ph kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Định A, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới về sống chung nhà chị Ph tại ấp Cây D, xã Đôn X, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Quá trình sống chung chị Ph luôn có tính ỷ lại vào cha mẹ, không tôn trọng anh, nhiều lần mâu thuẫn, cự cải vô cớ thì chị Ph đuổi anh đi ra khỏi nhà, có lần còn đem hết đồ mặc của anh đến chỗ làm – nhà nhà xe Phước H rồi đuổi kêu anh đừng về nhà nữa. Vì không thể chấp nhận việc chị Ph coi thường nên cách nay khoảng hơn 02 tháng anh đã trở về nhà cha mẹ ở khóm 1, thị trấn Định A, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh sinh sống đến nay. Nay cảm

thấy chị Ph không thể sửa đổi tính xem thường anh và do không còn tình cảm thương yêu chị Ph nên anh kiên quyết yêu cầu ly hôn, không muốn về đoàn tụ.

Về con chung : anh bà chị Ph có con chung là cháu Lê Kim D, sinh ngày 22/3/2021 hiện sống chung chị Ph và được chị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh không yêu cầu nuôi con, anh đồng ý giao chị Ph nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thu nhập mỗi tháng của anh từ công việc làm lơ xe khách khoảng 7.000.000đ nên đủ khả năng cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.0000đ.

Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung : không có nên anh không yêu cầu tranh chấp gì.

Tại phiên tòa, anh C cho rằng trong thời gian anh trở về nhà cha mẹ sống, chị Ph cũng có gọi điện kêu anh về đoàn tụ, nhưng anh xác định không còn tình cảm nên không muốn đoàn tụ và vẫn yêu cầu ly hôn, không yêu cầu nuôi con mà đồng ý giao chị Ph nuôi và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động và đồng ý bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2023, tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/5/2023 chị Thạch Thị Thanh Ph trình bày cho rằng:

Về hôn nhân, chị đồng ý ly hôn theo anh C yêu cầu, chị yêu cầu nuôi con là cháu Lê Kim D và đồng ý theo mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tài sản chung và nợ chung chị xác định không có là đúng nên không yêu cầu tranh chấp gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn thì không chấp hành theo thông báo hòa giải, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện, anh C và chị Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2020, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do chị Ph thường xuyên đuổi anh C đi và không tôn trọng anh C nên anh C yêu cầu được ly hôn.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C và chị Ph đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không hạnh phúc, không thể kéo dài. Do đó, anh C yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận; con chung là cháu Lê Kim D, ngày 22/3/2021 chị Ph yêu cầu nuôi và đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng theo anh C đưa ra; Tài sản chung và nợ chung hai bên đương sự đều khai không có nên không yêu cầu tranh chấp.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58 Luật

Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân, chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị Ph; giao con chung cho chị Ph nuôi và anh C cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ; Tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không giải quyết.

Án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của chị Thạch Thị Thanh Ph là đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc cấp, tống đạt thông báo, quyết định, giấy triệu tập giao cho chị Ph là người trực tiếp nhận. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, qua các lời khai của đương sự và tại phiên tòa anh C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do chị Ph nhiều lần đuổi anh ra khỏi nhà, nhiều lần dùng lời nói xúc phạm và không tôn trọng anh dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc và thời điểm giải quyết ly hôn hai người không còn sống chung, không còn tình cảm thương, anh kiên quyết yêu cầu ly hôn. Đối với chị Ph vắng mặt tham gia các phiên hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng ý ly hôn theo anh C yêu cầu. Xét hôn nhân của ông C và chị Ph là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số: 28/2020, đăng ký ngày 14/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Định A, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh. Thời điểm giải quyết, xét xử hai người không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lê Văn C ly hôn với chị Thạch Thị Thanh Ph.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, anh C và chị Ph xác nhận có con chung là Lê Kim D, sinh ngày 22/3/2021. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không yêu cầu nuôi mà đồng ý giao cho chị Ph nuôi và đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và chị Ph cũng thống nhất. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện của đương sự, nhưng do chị Ph vắng mặt tại phiên tòa nên không thể công nhận được mà có cơ sở ghi nhận việc anh C đồng ý cấp dưỡng cho con 2.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là từ tháng 6/2023.

[4] Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, đương sự xác nhận không có và không yêu cầu tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

[5] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ cào các Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn C.

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn C ly hôn với chị Thạch Thị Thanh Ph.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao cháu Lê Kim D, sinh ngày 22/3/2021 cho chị Thạch Thị Thanh Ph trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự đồng ý cấp dưỡng cho con chung đối với Lê Kim D, sinh ngày 22/3/2021, mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là từ tháng 6/2023.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền đối với tài sản chung: Không có.

4. Về nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Văn C chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0015933 ngày 12/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh nên không phải nộp tiếp.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên H;
- Chi cục THADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga